

Bản án số: 299/2021/HC-PT

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v “Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 253/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2021, về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 684/2021/QĐ-PT ngày 08-12-2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ dân phố 07, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Ngọc H: Bà Phan Thị L; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T, chức vụ-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T, chức vụ-Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Thu T; địa chỉ: tổ dân phố 07, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.2. Ông Trần Ngọc H; địa chỉ: tổ dân phố 07, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.3. Bà Huỳnh Thị X; địa chỉ: tổ dân phố 07, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Thu T, ông Trần Ngọc H, bà Huỳnh Thị X: Bà Phan Thị L; địa chỉ: 29 Phù Đồng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Ngọc H, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị X, ông Trần Ngọc H) thể hiện:

Năm 1990 ông Trần Ngọc H ký Hợp đồng liên kết trồng cà phê với Nông trường cà phê X với diện tích 14.790 m². Sau đó ông H chia để các thành viên trong gia đình gồm ông Trần Ngọc H, ông Trần Ngọc A (là bố ông H), Trần Ngọc H1 (em trai) mỗi người 5.000m² đất liên kết canh tác. Ông Trần Ngọc A canh tác được một thời gian thì ông A chết, nên giao lại cho cháu ngoại Huỳnh Thị X canh tác với diện tích 4.643m²; ông Trần Ngọc H1 chết, nên giao lại cho anh trai là ông Trần Ngọc H canh tác với diện tích 5.023m². Năm 2010 UBND tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định thu hồi đất số 403/QĐ- UBND ngày 05/2/2010:

- Ngày 07/7/2010, Công ty cà phê B đơn phương thanh lý hợp đồng để giao đất cho UBND tỉnh Đắk Lắk (có Biên bản thanh lý HĐ). Ngày 08/12/2010, UBND thành phố B ban hành Quyết định 3886/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với diện tích đất mà ông Trần Ngọc H ký hợp đồng. Tài sản của riêng gia đình ông H đã được tỉnh phê duyệt bồi thường và hỗ trợ là 409.466.100đ (trong đó hỗ trợ tiền đất với diện tích là 16.268m² = 260.288.000 đồng; cây cối hoa màu 147.037.100 đồng; vật kiến trúc 2.141.000 đồng). Tuy nhiên, từ đó đến nay thời gian kéo dài đã 10 năm vẫn không được bồi thường .

- Ngày 12/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7192/QĐ- UBND hủy phương án bồi thường tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 .

- Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ- UBND và số 7874/QĐ-UBND (phương án bồi thường và hỗ trợ). Với hai phương án

này, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tính bồi thường và hỗ trợ cho ông Trần Ngọc H, bà Huỳnh Thị Thu T đợt 1 là 306.900.720đ + đợt 2 là 105.272.524đ. Tổng hai đợt là 421.172.244đ.

Ông Trần Ngọc H thấy rằng quyền lợi hợp pháp của gia đình ông chưa đảm bảo, do vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu cụ thể sau:

+ Yêu cầu bồi thường thêm đối với diện tích đất bồi thường còn thiếu: Lý do, Quyết định số 7873/QĐ-UBND và số 7874/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân thành phố B mới hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho ông H với diện tích là 6.163m^2 . Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố chưa hỗ trợ chi phí đầu tư trên đất cho ông H với diện tích 6.602m^2 (số liệu diện tích đất năm 2010) – (số liệu diện tích đo thực tế năm 2020) là $6.163\text{m}^2 = 439\text{m}^2$ nên yêu cầu hỗ trợ, chi phí đầu tư đối với phần đất còn thiếu 439m^2 và hỗ trợ, chi phí đầu tư phần diện tích đất còn thiếu của ông Trần Ngọc H 5.023m^2 , bà Huỳnh Thị X 4.643m^2 cho ông H.

+ Yêu cầu bồi thường thêm về cây trồng: Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch thu hồi và bồi thường năm 2010, nhưng không bồi thường cho gia đình ông H nên cây cối chết. Gia đình không có tiền để sinh sống nên ông H phải khai hoang trồng dâu nuôi tằm, phục hồi các cây cối đã chết, có Biên bản kiểm kê tài sản ngày 11.6.2019 nhưng khi bồi thường Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ bồi thường một số cây trồng trước 2010 cho gia đình ông, còn các loại cây trồng sau 2010 không bồi thường. Do đó, đề nghị xem xét hỗ trợ cho gia đình ông H cây cối trồng 2014 trở đi đã có trong Biên bản kiểm đếm năm 2019.

+ Yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo quy định tại điểm d khoản 1; điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 19 Nghị định 47/ 2014 của Chính Phủ thì đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi Nhà nước thu đất là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nhận khoán. Đối chiếu với quy định trên, gia đình ông thuộc đối tượng được hỗ trợ. Vì vậy, ông yêu cầu UBND thành phố B phải hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho gia đình ông.

+ Yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/ 2014 của Chính Phủ ngày 15.5.2014 có quy định khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền, thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp được thu hồi ra còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. Như vậy, gia đình ông với 4 người sống dựa vào diện tích đất nói trên, nay không có việc làm ổn định. Vì vậy, yêu cầu UBND thành phố B phải hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc

làm.

Tại đơn khởi kiện ông Trần Ngọc H có yêu cầu giải quyết về số tiền chậm trả và thanh lý hợp đồng trước thời hạn, các cây trồng trước năm 2010, nhưng ngày 23/3/2021 ông H có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Vì vậy, ông Trần Ngọc H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 9/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và trình bày của người bị kiện thể hiện:

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 63.845m² đất tại phường T, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất tại các phường: Tân Thành, Thành Nhất, Tân Lợi, T, Tân Lập, Tân H và xã Ea Tu, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; giao diện tích 897.744,7m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường NI9 (đường Giải Phóng nối dài), đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B;

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873+7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Giải Phóng và Xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường NI9 (đường Giải Phóng nối dài), đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 1+2) đoạn đi qua phường T.

Đối với Đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc H, khởi kiện hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ nhà và đất được phê duyệt tại Quyết định số 7873+7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

- Căn cứ Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk, diện tích 63.845m² đất giao cho UBND thành phố B

căn cứ số liệu kiểm kê tại thời điểm năm 2010 để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành;

- Căn cứ Công văn số 7632/UBND-NN&MT ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đồng ý chủ trương cho UBND thành phố B áp dụng phân loại một số cây trồng như bơ, mít, xoài, nhãn, chôm chôm và một số loại cây trồng khác không xác định khối lượng gỗ tại Quyết định số 3886/QĐ- UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B theo loại A và áp dụng mức tính khối lượng gỗ đối với cây trồng cùng loại hoặc tương đương của các dự án đang thực hiện trên địa bàn phường T, thành phố B;

Căn cứ Quyết định số 7192/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk.

1. Về diện tích đất:

Theo Hợp đồng liên kết với Công ty cà phê B là 15.990m², đo đạc năm 2010 thuộc dự án Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật 16.268m², năm 2020 là 15.320,6m² thuộc dự án đường Giải Phóng và xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường NI 9 (đường Giải Phóng nối dài), đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố B. Diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn, do trước là đường đất, nay đã mở đường (bê tông + đường nhựa) nên diện tích ít hơn.

Ông Trần Ngọc H sau khi ký Hợp đồng với Công ty cà phê B đã chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc H và bà Huỳnh Thị X hết 9.156,8m² bằng giấy viết tay. Diện tích còn lại ông đang sử dụng nên chỉ xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại là 6.163,8m². Ông Trần Ngọc H và Huỳnh Thị xuyên nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay sau khi có Quyết định thu hồi đất ngày 05/02/2010 không đúng theo quy định của pháp luật, nên không xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất. Biên bản xác minh nguồn gốc đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, giấy tặng cho đất...

Trong Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk có hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất toàn bộ diện tích đất theo hợp đồng cho ông Trần Ngọc H là không chính xác.

2. Về cây trồng:

Không xem xét bồi thường, hỗ trợ cây trồng mới được thực hiện theo Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội

dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk, diện tích 63.8451m² đất, giao cho UBND thành phố B căn cứ số liệu kiểm kê tại thời điểm năm 2010 để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành và Công văn số 7632/UBND-NN&MT ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đồng ý chủ trương cho UBND thành phố B áp dụng phân loại một số cây trồng như bơ, mít, xoài, nhãn, chôm chôm và một số loại cây trồng khác không xác định khối lượng gỗ tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B theo loại A và áp dụng mức tính khối lượng gỗ đối với cây trồng cùng loại hoặc tương đương của các dự án đang thực hiện trên địa bàn phường T, thành phố B. Do đó, các cây trồng mới gia đình ông H trồng sau khi có Quyết định thu hồi đất Ủy ban không hỗ trợ, bồi thường.

3. Về hỗ trợ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp:

Việc hộ dân yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp là không có cơ sở. Vì toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Công ty đã giải thể.

Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 7873+7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Giải Phóng và xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường NI9 (đường Giải Phóng nối dài), đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 1+2) đoạn đi qua phường T, trong đó có hộ ông Trần Ngọc H là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về yêu cầu bồi thường số tiền trả chậm và thanh lý hợp đồng trước thời hạn 10 năm và yêu cầu bồi thường cây cối và hoa màu chưa được tính trước năm 2010.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Luật Đất đai 2013. Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị định số 01/2017 ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H, hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Trần Ngọc H; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm việc làm cho hộ gia đình ông Trần Ngọc H.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H, về hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc không phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với khoản hỗ trợ chi phí đầu tư diện tích thiếu 439m² của ông H, 5.023m² của ông Trần Ngọc H, 4.643m² của bà Huỳnh Thị X cho ông Trần Ngọc H và không chấp nhận yêu cầu hỗ trợ cây trồng mới sau năm 2010.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, ông Trần Ngọc H kháng cáo.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị L trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo. Ông Phạm Văn Thái trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo.

Bà Phan Thị L trình bày: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, tôi đề nghị người bị kiện phải bồi thường, hỗ trợ đối với chi phí đầu tư vào đất với diện tích còn thiếu và bồi thường số cây trồng sau năm 2010 cho ông H để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông H. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ông Phạm Văn Thái trình bày: Đối với cây trồng ông Trần Ngọc H đã được bồi thường, nên đảm bảo về quyền lợi. Đối với diện tích đất chưa được bồi thường hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn thiếu theo kháng cáo của ông H thì Ủy ban nhân dân thành phố B chấp hành và thi hành theo quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm tuyên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc H và của Ủy ban nhân dân thành phố B là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc H, không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy một Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với khoản hỗ trợ chi phí đầu tư phần diện tích đất còn thiếu là 439m² của ông H, 5.023m² của ông Trần Ngọc H, 4.643m² của bà Huỳnh Thị X cho ông Trần Ngọc H; bác kháng cáo của ông H đối với yêu cầu hỗ trợ cây trồng mới sau năm 2010.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, ông Trần Ngọc H kháng cáo và ngày 29 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của ông Trần Ngọc H và của Ủy ban nhân dân thành phố B là trong thời hạn luật định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Trần Ngọc H có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu bồi thường số tiền trả chậm và thanh lý Hợp đồng trước thời hạn 10 năm và yêu cầu bồi thường cây cối và hoa màu chưa được tính trước năm 2010. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ đối với nội dung này là có căn cứ.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/12/2010, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với ông Trần Ngọc H. Ngày 12/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7192/QĐ- UBND hủy phương án bồi thường tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 8/12/2010.

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành hai quyết định: Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường Giải Phóng, đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 1) và Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Giải Phóng đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố B (đợt 2).

Ngày 17/12/2020, ông Đoàn Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết hủy một phần các quyết định số 7873/QĐ-UBND và số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải

quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, ông Phạm Văn Thái trình bày không rút kháng cáo, nhưng đồng ý và thi hành theo quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn thiếu của ông H:

Năm 1990 ông Trần Ngọc H là đại diện hộ gia đình ký với Nông trường cà phê X Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với diện tích 14.790m². Đến năm 1998 Nông trường đổi tên thành Công ty cà phê B. Công ty cà phê B và đại diện hộ gia đình là ông Trần Ngọc H ký lại Hợp đồng kinh tế số 317/HĐKT ngày 07/10/1998 với nội dung: Công ty cà phê B giao khoán đất cho ông H (đại diện hộ gia đình) thửa đất số 22, 34, 30, tờ bản đồ số 1^a, thuộc vùng lô 55, Đội 3, tổng diện tích 14.790m² + 1.200m²; thời hạn hợp đồng kể từ ngày 07/10/1998 đến ngày 31/12/2020; trong đó, quy định quyền hạn và nghĩa vụ của bên B (đại diện hộ liên kết ông Trần Ngọc H) “phải sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, đúng pháp luật...”. Như vậy, có căn cứ khẳng định Hợp đồng kinh tế số 317/HĐKT ngày 07/10/1998 được ký kết giữa Công ty cà phê B với hộ ông Trần Ngọc H và do ông H đại diện ký nhận khoán với diện tích 15.990m² đất là đúng pháp luật.

Sau khi ký Hợp đồng liên kết và nhận đất, hộ gia đình ông H tiến hành canh tác, đầu tư vào đất và thực hiện nghĩa vụ đầy đủ và đúng theo Hợp đồng kể từ khi ký kết đến nay là hơn 30 năm. Cụ thể, các thành viên trong gia đình cùng tiến hành canh tác gồm ông Trần Ngọc A là bố ông H, anh Trần Ngọc H1 là em trai, Huỳnh Thị X là cháu và cùng có quyền, nghĩa vụ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người bị kiện cho rằng ông Trần Ngọc H, bà Huỳnh Thị X nhận chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay sau khi có quyết định thu hồi đất ngày 05/02/2010 không đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét hỗ trợ chi phí vào đất. Đối với ông H chỉ xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất với diện tích 6.163m².

Xét thấy: Những nội dung đã được phân tích ở trên thấy rằng, ông Trần Ngọc H ký kết với tư cách là đại diện hộ gia đình, nên các thành viên hộ gia đình có quyền và nghĩa vụ đối với diện tích đất đã ký liên kết với Công ty cà phê B. Hơn nữa, tại giấy viết tay về việc cho tặng giữa các thành viên hộ gia đình ông H không có xác nhận của chính quyền địa phương và không được các thành viên hộ gia đình thừa nhận ký vào giấy này. Trong khi, quan điểm của người bị kiện cho rằng việc chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay giữa các thành viên trong gia đình là không đúng quy định của pháp luật, được hiểu là người bị kiện khẳng định toàn bộ diện tích đất ông H đại diện hộ gia đình ký kết theo Hợp đồng kinh tế số 317/HĐKT ngày 07/10/1998

là của hộ gia đình ông H đang cùng canh tác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm khẳng định những giấy viết tay về việc cho tặng giữa các thành viên hộ gia đình ông H không có giá trị pháp lý. Việc ông H, bà X canh tác được coi là thành viên hộ gia đình ông H canh tác. Căn cứ vào khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“... Trường hợp đất nông nghiệp không phải là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức kinh tế đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại”*. Tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk: *“Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”*. Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *“Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích, nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”*. Thực tế, sau khi ký kết hợp đồng hộ gia đình ông H canh tác không có tranh chấp, toàn bộ ranh giới thửa đất không thay đổi. Như vậy, hộ gia đình ông Trần Ngọc H có đủ điều kiện được bồi thường chi phí đầu tư vào đất đối với diện tích đất còn thiếu 10.105m^2 ($439\text{m}^2 + 5.023\text{m}^2 + 4.643\text{m}^2$) là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu hỗ trợ cây trồng mới sau năm 2010:

Ngày 24/3/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk có công văn số 2472/UBND-NN&MT với nội dung chấm dứt chủ trương đối với dự án trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk diện tích 653.8451m^2 đất, giao cho UBND thành phố B căn cứ số liệu kiểm kê tại thời điểm năm 2010 để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đang thực hiện trên địa bàn phường T, thành phố B. Căn cứ vào số liệu năm 2010, UBND thành phố B ban hành phương án bồi thường cho gia đình ông H là có căn cứ. Như vậy, kể từ sau năm 2010 những cây trồng mới đều không được xem xét bồi thường. Do đó, nội dung kháng cáo của ông Trần Ngọc H yêu cầu hỗ trợ cây trồng mới sau năm 2010 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về hủy một phần các quyết định số 7873/QĐ-UBND và số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc không phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với khoản chi phí đầu tư vào đất đối với diện tích thiếu 439m^2 của ông H, 5.023m^2 của ông Trần Ngọc H, 4.643m^2 của bà Huỳnh Thị X cho

ông Trần Ngọc H là chưa có căn cứ và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Trần Ngọc H. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc H; không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu, ông Trần Ngọc H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc H, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 163; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 78; Điều 83; Điều 84 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai; khoản 2 Điều 12; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Trần Ngọc H; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với chi phí đầu tư vào đất diện tích thiếu là 10.105m^2 ($439\text{m}^2 + 5.023\text{m}^2 + 4.643\text{m}^2$) cho ông Trần Ngọc H; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm việc làm cho hộ gia đình ông Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc không phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với yêu cầu hỗ trợ cây trồng mới sau năm 2010.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60/AA/2021//0007340 ngày 12/7/2021 của Cục

Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Trần Ngọc H không phải chịu, hoàn trả 300.000đ cho ông Trần Ngọc H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60/AA/2021//0007337 ngày 07/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Phước Thanh Phạm Việt Cường

Trần Quốc Cường